|  |  |
| --- | --- |
|  | TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT**KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH** **BỘ MÔN QUẢN TRỊ** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

***Mẫu 7: Đề cương chi tiết học phần***

1. **Thông tin tổng quát:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên học phần tiếng Việt** | **KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO**  |
| **Tên học phần tiếng Anh** | **LEADERSHIP SKILL** |
| **Mã học phần** | **BUS1320** |
| Thuộc khối kiến thức  | Kiến thức đại cương/ Kiến thức cơ sở ngành/ Kiến thức ngành/ Kiến thức chuyên ngành

|  |  |
| --- | --- |
| Bắt buộc |  ☑Tự chọn |

 |
| Trình độ  | Đại học |
| Ngành học | Quản lý công |
| Khóa học | 2025-2029 |
| Năm học | 2025-2026 |
| Học kỳ  | I |
| Số tín chỉ | 02 tín chỉ:* Lý thuyết (30 tiết/tín chỉ): 30
* Thực hành, thí nghiệm, thảo luận (15 tiết/tín chỉ):
 |
| Môn học tiên quyết  | Không |
| Môn học trước |  |
| Môn học sau |  |
| Môn học song hành |  |
| Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy | Tiếng Việt |
| Các giảng viên phụ trách giảng dạy | PGS, TS. Trần Thị Hồng LiênPGS, TS. Nguyễn Thị Thu HòaTS. Trần Văn TrungThS. Lê Cát ViThS. Lê Thị Hà MyThS. Nguyễn Thị Hồng GấmThS. Nguyễn Thị Bình MinhTS. Nguyễn Đình Thái |
| Các giảng viên trợ giảng |  |

1. **Mô tả môn học**

Môn học Kỹ năng lãnh đạo mang tới những hiểu biết cơ bản nhất về lãnh đạo và những kỹ năng một cá nhân cần có để thực hiện được vai trò lãnh đạo trong bất kỳ nhóm hay tổ chức nào mà họ tham gia, từ các nhóm học tập ở bậc đại học tới các nhóm làm việc ở cơ quan, doanh nghiệp. Đây là nền tảng để sinh viên phát triển năng lực lãnh đạo trong thời gian học tập đại học. Xuất phát từ bản chất của lãnh đạo, nhà lãnh đạo là ai, môn học hướng dẫn người học luyện tập và thực hành những kỹ năng cốt lõi nhất mà các nhà lãnh đạo luôn phải sử dụng đó là kỹ năng xác lập mục tiêu, truyền đạt mục tiêu tới người khác, động viên và thuyết phục người khác thực hiện mục tiêu và giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trong quá trình đó. Các kỹ năng này sẽ được áp dụng vào bối cảnh cụ thể của lãnh đạo nhóm và lãnh đạo chính bản thân mỗi cá nhân.

1. **Tài liệu học tập**

 *(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)*

**3.1. Giáo trình:**

1. Adair, J. (2022). *Develop your leadership skills: fast, effective ways to become a leader people want to follow*. Kogan Page.

**3.2. Tài liệu khác:**

2. Gardner, H., & Laskin, E. (2011). *Leading Minds: an anatomy of leadership*. New York.

3. Bryant, A., & Kazan, A. L. (2013). *Self-leadership: how to become a more successful, efficient, and effective leader from the inside out*. McGraw Hill.

1. **Mục tiêu môn học**

 *(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu****(COx) (1)** | **Mô tả mục tiêu****(2)** | **CĐR của môn học****(CLOx) (3)** | **TĐNL****(4)** |
| CO1 | Trình bày được kiến thức cơ bản về lãnh đạo và kỹ năng lãnh đạo  | CLO1 | 2 |
| CO2 | Thực hiện phản biện và kỹ năng lãnh đạo cần thiết để giải quyết vấn đề | CLO2 | 2 |
| CLO3 | 2 |
| CO3 | Hình thành khả năng tự định hướng và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong thực hành năng lực lãnh đạo  | CLO4 | 2 |

*(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học.*

*(2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng tổng quát.*

*(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học*.

1. **Chuẩn đầu ra môn học**

 *(Các mục cụ thể hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U hoặc I, R, M)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR****(1)** | **Mô tả CĐR****(2)** | **Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)** | **Mức độ giảng dạy****(I, T, U hoặc I, R, M)****(3)** |
| CLO1 | Hiểu biết về lãnh đạo và các kỹ năng lãnh đạo khác nhau trong môi trường tổ chức | PLO1 | I |
| CLO2 | Thực hành vận dụng các kỹ năng lãnh đạo trong giải quyết các tình huống công việc | PLO4 | I |
| CLO3 | Nhận diện, xác định và định hướng cách giải quyết vấn đề tồn tại trong công việc và cuộc sống dưới gốc nhìn của một nhà lãnh đạo  | PLO8 | I |
| CLO4 | Hình thành khả năng tự định hướng và tự lãnh đạo trong quá trình thực hiện công việc của bản thân. | PLO8 | I |

*(1): Ký hiệu CĐR của môn học*

*(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng cụ thể.*

*(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng hoặc I (Introduce): giới thiệu; R(Reinforced): tăng cường; M(Mastery): thành thạo.*

1. **Đánh giá môn học**

- Yêu cầu chung của học phần theo quy chế:

+ Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

+ Điểm thành phần: kết quả học tập một học phần được đánh giá theo quá trình học tập, thể hiện bởi các điểm thành phần được làm tròn tới một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân.

*(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)*

| **Thành phần đánh giá (1)** | **Bài đánh giá (Ax.x)****(2)**  | **CĐR môn học****(CLOx)** **(3)** | **Tiêu chí đánh giá****(4)** | **Thời lượng đánh giá (5)** | **Trọng số****(6)** | **Trọng số con****(7)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| A1. Đánh giá quá trình | A1.1 (Thảo luận nhóm, và bài tập cá nhân) | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Hoạt động thảo luận nhóm và các bài tập cá nhân | 120 phút | **25%** | 100% |
| A2. Đánh giá giữa kì | A2.1 (bài tập nhóm, nghiên cứu tình huống) | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, lập luận chặt chẽ  | 120 phút | **25%** | 50% |
| Đánh giá khả năng tích lũy, nội hóa các tri thức trong lập luận phát hiện và giải quyết vấn đề | 50% |
| A3. Đánh giá cuối kì | A3.1 (Thi tập trung tự luận) | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, khả năng hệ thống hóa và áp dụng kiến thức để trình bày, diễn giải một vấn đề cụ thể đặt ra của môn học. | 60 phút | **50%** | 70% |
| Đánh giá được khả năng tư duy logic, lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa lý thuyết với thực tế để diễn giải một vấn đề của môn học. | 30% |

*(1): Các thành phần đánh giá của môn học.*

*(2): Ký hiệu các bài đánh giá*

*(3): Các CĐR được đánh giá.*

*(4): Tiêu chí đánh giá như bài tập nhóm/cá nhân về nhà, bài tập nhóm/cá nhân tại lớp, dự án, đồ án môn học…..*

*(5): Thời lượng đánh giá theo phút tại lớp (nếu có)*

*(6): Trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm môn học*

*(7): trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm của thành phần đánh giá*

- Thang điểm đánh giá: theo thang điểm 10 được dùng để ghi nhận và phân loại kết quả đánh giá. Thang điểm và cách xếp loại kết quả học tập được thực hiện như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Xếp loại** | **Thang điểm hệ 10** | **Thang điểm hệ 100** | **Thang điểm hệ 4** |
| **Điểm số** | **Điểm chữ** |
| Xuất sắc | Từ 9,0 đến 10,0 | Từ 90 đến 100 | 4,0 | A+ |
| Giỏi | Từ 8,0 đến cận 9,0 | Từ 80 đến cận 90 | 3,5 | A |
| Khá | Từ 7,0 đến cận 8,0 | Từ 70 đến cận 80 | 3,0 | B+ |
| Trung bình khá | Từ 6,0 đến cận 7,0 | Từ 60 đến cận 70 | 2,5 | B |
| Trung bình | Từ 5,0 đến cận 6,0 | Từ 50 đến cận 60 | 2,0 | C |
| Yếu | Từ 4,0 đến cận 5,0 | Từ 40 đến cận 50 | 1,5 | D+ |
| Kém | Từ 3,0 đến cận 4,0 | Từ 30 đến cận 40 | 1,0 | D |
| < 3,0 | Dưới 30 | 0,0 | F |

 - Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được xem là học phần đạt, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

1. **Kế hoạch giảng dạy chi tiết**

*(Các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của môn học)*

| **Tuần** | **Nội dung** | **CĐR** | **Hoạt động dạy và học** | **Hoạt động đánh gia** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Chương 1: Tổng quan về lãnh đạo và nhà lãnh đạo*** 1. Khái niệm lãnh đạo
	2. Nhà lãnh đạo là ai

*1.2.1 Các phẩm chất cần thiết**1.2.2 Đặc điểm cá nhân chung của lãnh đạo** 1. Nhà lãnh đạo phải biết gì
	2. Nhà lãnh đạo cần phải làm gì

*1.4.1 Nhu cầu công việc**1.4.2 Nhu cầu duy trì nhóm**1.4.3 Nhu cầu cá nhân**1.4.4 Công việc cốt lõi của nhà lãnh đạo**1.4.5 Định hướng cách tiếp cận chức năng trong lãnh đạo**1.4.6 Vai trò của nhà lãnh đạo**1.4.7 Những lưu ý quan trọng* | CLO1, CLO2 | Thuyết giảng, giới thiệu gợi mở vấn đề, sử dụng các công cụ hỗ trợ như PowerPoint. Tương tác với sinh viên thông qua các câu hỏi, và các ví dụ tình huống thực tế.Đọc tài liệu: [1] –mục 1, 2, 3 | Trao đổi các kiến thức trong chương. |
| 2 | **Chương 2: Kỹ năng thiết lập mục tiêu và tầm nhìn*** 1. Khái niệm về mục tiêu và tầm nhìn

*2.1.1 Khái niệm - phân loại**2.1.2 Vai trò** 1. Phương pháp thiết lập mục tiêu

*2.2.1 Nguyên tắc thiết lập mục tiêu (SMART)**2.2.2 Quy trình thiết lập mục tiêu hiệu quả** 1. Kỹ năng thiết lập mục tiêu
	2. Bài tập ứng dụng xây dựng mục tiêu cho bản thân
 | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết giảng, giới thiệu gợi mở vấn đề, sử dụng các công cụ hỗ trợ như PowerPoint. Tương tác với sinh viên thông qua các câu hỏi, và các ví dụ tình huống thực tế.Đọc tài liệu: [1] –mục 4 | Trao đổi các kiến thức trong chương. |
| 3 | **Chương 3: Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình*** 1. Bản chất và mục tiêu của giao tiếp
	2. Các tình huống giao tiếp của nhà lãnh đạo
	3. Vai trò của sự tự tin với giao tiếp
	4. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả
	5. Kỹ năng thuyết trình hiệu quả
 | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết giảng, giới thiệu gợi mở vấn đề, sử dụng các công cụ hỗ trợ như PowerPoint. Tương tác với sinh viên thông qua các câu hỏi, và các ví dụ tình huống thực tế.Đọc tài liệu: [2] – Chapter 6 – Confidence and Communication | Trao đổi các kiến thức trong chương. |
| 4 | **Chương 4: Kỹ năng động viên và thuyết phục*** 1. Kỹ năng động viên

*4.1.1 Khái niệm về động viên**4.1.2 Vai trò và tầm quan trọng của động viên đối với hiệu quả công việc**4.1.3 Các kỹ năng động viên** 1. Kỹ năng thuyết phục

*4.2.1 Khái niệm về thuyết phục**4.2.2 Vai trò của kỹ năng thuyết phục**4.2.3 Các kỹ năng thuyết phục và cách cải thiện kỹ năng thuyết phục** 1. Tình huống ứng dụng
 | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết giảng, giới thiệu gợi mở vấn đề, sử dụng các công cụ hỗ trợ như PowerPoint. Tương tác với sinh viên thông qua các câu hỏi, và các ví dụ tình huống thực tế.Đọc tài liệu: [1] –mục 4 | Nghiên cứu bài tập tình huống |
| 5 | **Chương 5: Kỹ năng xử lý xung đột*** 1. Các tình huống xung đột trong nhóm làm việc

*5.1.1. Nguồn gốc của xung đột**5.1.2. Giải quyết xung đột bằng huấn luyện khai vấn** 1. Tình huống ứng dụng
 | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết giảng, giới thiệu gợi mở vấn đề, sử dụng các công cụ hỗ trợ như PowerPoint. Tương tác với sinh viên thông qua các câu hỏi, và các ví dụ tình huống thực tế.Đọc tài liệu: [2] – Chapter 11 – Leading & CoachingChapter 7 – Personality | Nghiên cứu bài tập tình huống |
| 6 | **Chương 6: Kỹ năng lãnh đạo nhóm*** 1. Khái niệm làm việc nhóm

*6.1.1 Khái niệm làm việc nhóm**6.1.2 Nguyên tắc nhóm**6.1.3 Phân loại nhóm** 1. Giai đoạn hình thành và phát triển nhóm

*6.2.1 Giai đoạn hình thành**6.2.2 Giai đoạn xung đột**6.2.3 Giai đoạn hợp nhất**6.2.4 Giai đoạn thể hiện** 1. Các nguyên tắc làm việc nhóm
	2. Tình huống ứng dụng
 | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết giảng, giới thiệu gợi mở vấn đề, sử dụng các công cụ hỗ trợ như PowerPoint. Tương tác với sinh viên thông qua các câu hỏi, và các ví dụ tình huống thực tế.Đọc tài liệu: [2] – Chapter 11 – Leading & Coaching (phần Leading team) | Nghiên cứu bài tập tình huống |
| 7, 8 | **Chương 7: Lãnh đạo bản thân*** 1. Lãnh đạo bản thân là gì?
	2. Tại sao phải lãnh đạo bản thân?
	3. Định nghĩa chiến lược lãnh đạo bản thân
	4. Cách để trở thành một nhà lãnh đạo
	5. Tình huống ứng dụng
 | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết giảng, giới thiệu gợi mở vấn đề, sử dụng các công cụ hỗ trợ như PowerPoint. Tương tác với sinh viên thông qua các câu hỏi, và các ví dụ tình huống thực tế.Đọc tài liệu: [1] – mục 5 [2] – Chapter 8 – Self Leadership Strategies Defined | Nghiên cứu bài tập tình huống |
| 9 | **Diễn tập kỹ năng lãnh đạo** | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Làm việc đúng vai trò: thuyết trình, Phản biện, Khán giả tham luận… | Nghiên cứu, thảo luận nhóm, … |
| 10 | **Tổng kết môn học** |  | Tổng kết |  |

*(1): Thông tin về tuần/buổi học.*

*(2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục*

*(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu* CLOx*)*

*(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)*

*(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)*

 *(1): Thông tin về tuần/buổi học.*

*(2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành.*

*(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu* CLOx*),*

*(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)*

*(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)*

1. **Tổng thời lượng học tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức**  |  **Hoạt động dạy và học** | **Số lần** | **Thời lượng (giờ)**  | **Tổng thời lượng (giờ)** |
| ﻿Thời lượng học trên lớp (bao gồm cả tuần thi) | Học tại lớp theo kế hoạch giảng dạy | 45 | 5/6 | 37,5 |
| Tự học ngoài giờ |  | 3 chỉ |  | 90 |
| Bài tập thảo luận và cá nhân A1 |  | 1 | 2 | 2 |
| Bài luận tài năng |  | 1 | 19,5 | 19,5 |
| Thi giữa kỳ | Bài tập tình huống | 1 | 2 | 2 |
| Thi cuối kỳ | Tự luận | 1 | 1 | 1 |
| **Tổng thời lượng** |  |  | **130.5** |
| **Tổng thời lượng/ ….. giờ** |  |  |  |
| **﻿ Chuyển đổi tín chỉ theo ECTS** |  |  |  |

*Ghi chú: 1 tiết = 50 phút = 5/6 giờ; 1 tín chỉ 50h học tập bao gồm cả thời gian học tập trên lớp, tự học, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá.*

1. **Quy định của môn học**

*(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ…)*

1. **Phụ trách môn học**
* Khoa: Quản trị kinh doanh
* Bộ môn: Quản trị
* Địa chỉ và email liên hệ: lientth@uel.edu.vn
1. **Đề cương được cập nhật và biên soạn ngày: 19/3/2025**
2. **Đề cương được thẩm định và thông qua ngày: 18/4/2025**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2025

**GIẢNG VIÊN LẬP ĐỀ CƯƠNG TRƯỞNG BỘ MÔN TRƯỞNG KHOA**

 

 **Mai Trường An Phạm Trung Tuấn Trần Thị Hồng Liên**